

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Alphanam E&C (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Alphanam E&C (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 8 năm 1995.

Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số 0100520683 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 07 tháng 06 năm 2022.

Vốn điều lệ:	652.000.000.000 VND (Sáu trăm năm mươi hai tỷ đồng)
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND
Tổng số cổ phần:	65.200.000 cổ phần
Mã chứng khoán:	AME
Sàn giao dịch:	HNX

Trụ sở chính của Công ty đăng ký tại: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Hoạt động xây dựng, cung cấp vật tư, thiết bị các công trình điện dân dụng, công nghiệp đến cấp điện áp 500KV; Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tổng hợp; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; - Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất máy móc chuyên dụng; Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đầu; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; Sản xuất mực in và ma lít;
- Cho thuê xe có động cơ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; Hoạt động tư vấn quản lý; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Quảng cáo; Chuẩn bị mặt bằng.

Trong năm 2024, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại các mặt hàng thép, dây điện, vật liệu xây dựng, thi công lắp đặt hệ thống điện.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Quân	Ủy viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Bùi Kim Yến	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Ủy viên
Ông Đàm Văn Hán	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đắc Tài	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt, Ban Tổng Giám đốc



Bà Trương Thị Thu Hiền

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025



Số: 019/2025/BCKT-HT.00202

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Alphanam E&C

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Chúng tôi chưa thu hồi được thư xác nhận công nợ phải trả người bán với tổng giá trị là 192.983.528.575 VND. Với các tài liệu được cung cấp Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế để xác minh tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản công nợ trên. Do đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản công nợ nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam E&C cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 tại ngày 30 tháng 03 năm 2024, nội dung này được trình bày chi tiết trong phần 5.6 của Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm.



TRẦN ĐÌNH DŨNG

Phó Giám đốc

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 1788-2023-009-1

A blue ink signature of Nguyễn Đăng Sỹ.

NGUYỄN ĐĂNG SỸ

Kiểm toán viên

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 3725-2021-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Địa chỉ: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.657.534.462.869	2.439.675.877.440
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22.447.751.830	8.657.099.514
1. Tiền	111		22.447.751.830	7.937.099.514
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	720.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	227.645.083.418	12.560.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		185.685.083.418	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		41.960.000.000	12.560.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.590.134.851.263	1.747.781.942.437
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.070.730.697.185	860.281.539.673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	438.557.244.691	348.350.805.411
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	39.870.219.938	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	48.640.060.375	545.694.152.993
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(7.663.370.926)	(6.544.555.640)
IV. Hàng tồn kho	140		806.275.140.578	668.564.048.602
1. Hàng tồn kho	141	5.8	806.275.140.578	668.564.048.602
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.031.635.780	2.112.786.887
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	6.366.699.480	1.459.201.373
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.664.936.300	653.585.514
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		380.994.643.140	76.366.032.101
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.361.533.838	15.776.251.586
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	13.321.126.537	15.628.476.313
- Nguyên giá	222		45.353.944.224	43.831.353.315
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.032.817.687)	(28.202.877.002)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	40.407.301	147.775.273
- Nguyên giá	228		1.051.687.851	1.051.687.851
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.011.280.550)	(903.912.578)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		308.846.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	308.846.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		58.787.109.302	60.589.780.515
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	58.787.109.302	60.589.780.515
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.038.529.106.009	2.516.041.909.541

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Địa chỉ: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.230.350.774.637	1.729.144.510.179
I. Nợ ngắn hạn	310		2.230.350.774.637	1.729.144.510.179
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	773.260.963.218	541.222.698.555
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	95.166.331.257	65.206.077.705
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	9.909.734.958	6.918.175.461
4. Phải trả người lao động	314		7.709.808.387	8.337.160.012
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	2.095.871.477	13.672.127.430
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	1.445.048.480	3.612.621.200
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	83.218.242.312	82.553.257.823
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	1.257.544.774.548	1.007.622.391.993
10. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		808.178.331.372	786.897.399.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	808.178.331.372	786.897.399.362
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		652.000.000.000	652.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		652.000.000.000	652.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(194.400.000)	(194.400.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		840.866.910	840.866.910
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		155.531.864.462	134.250.932.452
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		134.250.932.452	113.053.377.461
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.280.932.010	21.197.554.991
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.038.529.106.009	2.516.041.909.541

NGƯỜI LẬP BIỂU

BÙI THỊ THÚY HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ DUYÊN

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG THỊ THU HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Địa chỉ: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.251.564.303.615	2.215.317.341.019
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02)	10		3.251.564.303.615	2.215.317.341.019
4 Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.102.701.264.853	2.099.603.626.568
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		148.863.038.762	115.713.714.451
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.615.175.373	934.085.453
7 Chi phí tài chính	22	6.4	104.746.096.458	64.917.520.658
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		98.193.988.854	63.257.134.950
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	31.123.858.811	27.500.951.616
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.608.258.866	24.229.327.630
11 Thu nhập khác	31	6.6	3.834.742.027	3.866.374.934
12 Chi phí khác	32	6.7	217.226.676	984.780.438
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.617.515.351	2.881.594.496
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.225.774.217	27.110.922.126
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	5.944.842.207	5.913.367.135
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		21.280.932.010	21.197.554.991

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

BÙI THỊ THÚY HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ DUYÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG THỊ THU HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Địa chỉ: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.225.774.217	27.110.922.126
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.937.308.657	4.115.369.086
- Các khoản dự phòng	03		1.118.815.286	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.526.674.860)	(272.075.403)
- Chi phí lãi vay	06		98.193.988.854	63.257.134.950
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		121.949.212.154	94.211.350.759
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		194.614.050.264	(600.164.044.037)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(137.711.091.976)	211.341.437.834
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		250.848.226.377	(85.479.691.419)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(3.104.826.894)	3.422.230.749
- (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		(185.685.083.418)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(97.789.808.400)	(62.830.870.289)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.913.367.135)	(5.445.806.489)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		137.207.310.972	(444.945.392.892)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(1.522.590.909)	(3.235.029.630)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(212.152.676.788)	(32.960.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		142.882.456.850	20.446.370.914
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(308.846.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.299.769.636	205.872.075
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(373.339.041.211)	(15.542.786.641)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	2.440.822.649.792	1.364.061.335.513
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(2.190.900.267.237)	(929.885.822.926)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		249.922.382.555	434.175.512.587
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		13.790.652.316	(26.312.666.946)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.657.099.514	34.969.766.460
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	22.447.751.830	8.657.099.514

NGƯỜI LẬP BIỂU

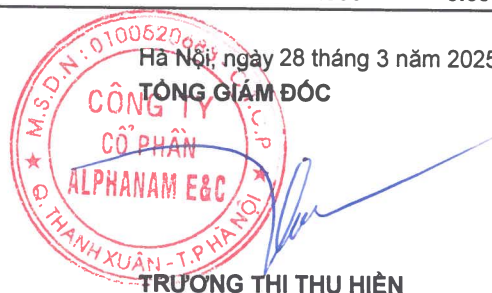
BÙI THỊ THÚY HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ DUYÊN

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG THỊ THU HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Alphanam E&C (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 8 năm 1995.

Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số 0100520683 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 07 tháng 06 năm 2022. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là 652.000.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi hai tỷ đồng).

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là AME.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thi công cơ điện và kinh doanh thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Hoạt động xây dựng, cung cấp vật tư, thiết bị các công trình điện dân dụng, công nghiệp đến cấp điện áp 500KV; Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tổng hợp; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; - Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất máy móc chuyên dụng; Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; Sản xuất mực in và ma lít;
- Cho thuê xe có động cơ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; Hoạt động tư vấn quản lý; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Quảng cáo; Chuẩn bị mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 01 công ty con: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Zeta; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Zeta có 01 công ty con (tổng cộng 02 công ty con), cụ thể như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Zeta	Hưng Yên	Xây lắp	99,95%	99,95%
Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Zeta (Công ty con gián tiếp)				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ thể thao Molta	Hà Nội	Cho thuê bất động sản	55%	55%

1.6 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 250 người (Tại ngày 31/12/2023 là 181 người).

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 31/12/2024 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. KỲ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND") do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động thi công xây lắp.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 06 năm.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

4.12 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.14 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

4.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.18 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.19 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.20 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

4.22 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tồn quỹ	128.163.434	25.038.343
Tiền gửi ngân hàng	22.319.588.396	7.912.061.171
Các khoản tương đương tiền	-	720.000.000
Tổng	22.447.751.830	8.657.099.514

5.2 Các khoản đầu tư**a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	185.685.083.418	(*)	-	-	(*)	-
Cộng	185.685.083.418	-	-	-	-	-

Theo nghị quyết số 900/2024/NQ/AME-HĐQT ngày 01/07/2024 của Hội đồng quản trị, Công ty nhận chuyển nhượng 13.835.000 cổ phần của Công ty Cổ phần liên doanh Alpec từ Công ty Cổ phần chứng khoán Đầu tư tài chính Việt Nam với giá trị chuyển nhượng là 185.481.694.500 VND với mục đích đầu tư kinh doanh chứng khoán.

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
- <i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	41.960.000.000	41.960.000.000	12.560.000.000	12.560.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	1.960.000.000	1.960.000.000	1.860.000.000	1.860.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh	-	-	10.700.000.000	10.700.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Long Biên (*)	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Tổng	41.960.000.000	41.960.000.000	12.560.000.000	12.560.000.000

(*) Khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Long Biên với thời hạn 13 tháng, lãi suất 5,5%/năm được dùng cầm cố thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Long Biên.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Zeta	308.846.000.000	(*)	-	-	(*)	-
Cộng	308.846.000.000		-	-		-

Theo nghị quyết số 1067/2024/NQ/AME-HĐQT ngày 25/07/2024 của Hội đồng quản trị, Công ty mua 30.884.600 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Zeta chiếm 99,95% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Zeta. Năm 2024 là năm hoạt động đầu tiên của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Zeta, với hoạt động chính là thi công, xây lắp và thương mại.

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con.

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Delta Việt Nam Số 1	580.855.823.477	571.276.437.288
Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	84.376.094.830	110.281.982.581
Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	153.607.837.930	28.484.977.862
Công ty TNHH MTV Sapa	37.326.801.587	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Gamma	38.842.590.623	41.042.590.623
Ban QLDA các Công trình điện miền Nam - Chi nhánh TCT truyền tải điện quốc gia	-	12.312.526.275
Ban QLDA các Công trình điện miền Trung - Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	37.255.116.397	39.849.956.299
Công ty Cổ phần Zeta EC	54.450.749.297	-
Các tổ chức, cá nhân khác	84.015.689.044	57.033.068.745
Tổng	1.070.730.697.185	860.281.539.673

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán là bên liên quan		
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	29.404.428.547	31.184.428.547
Trả trước cho người bán khác		
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	7.439.857.752	114.561.774.881
Công ty Cổ phần Virex	-	75.413.125.988
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	70.515.000.000	70.515.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Thương Mại Momota	265.625.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng và cảnh quang Fanxipăng	27.317.680.718	7.907.482.271
Các tổ chức, cá nhân khác	38.255.277.674	48.768.993.724
Tổng	438.557.244.691	348.350.805.411

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty Cổ phần Virex (*)	7.278.219.938	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Thương Mại Momota (*)	21.502.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Gamma (*)	11.090.000.000	-
Tổng	39.870.219.938	-

(*) Các khoản cho vay theo hợp đồng cho vay tiền với thời hạn cho vay là 1 năm, lãi suất 10%/năm và không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn (2)	-	-	107.341.742.247	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng	435.569.985	-	1.309.511.096	-
Ký quỹ, ký cược	12.454.020.269	-	10.096.634.684	-
- Tiền gửi thế chấp (1)	12.367.170.269	-	7.031.984.684	-
- Các khoản khác	86.850.000	-	3.064.650.000	-
Phải thu khác	35.750.470.121	-	426.946.264.966	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây (2)	32.548.259.052	-	382.400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á (2)	-	-	13.640.000.000	-
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung (2)	-	-	30.695.000.000	-
- Các đối tượng khác	3.202.211.069	-	211.264.966	-
Tổng	48.640.060.375	-	545.694.152.993	-

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh thành phố Hà Nội, lãi suất 1,1%/năm được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh thành phố Hà Nội.

(2) Là các khoản phải thu liên quan đến các khoản trả trước người bán để thực hiện các hợp đồng xây dựng nhưng không thực hiện và đã thanh lý hợp đồng được nêu trong phần nhấn mạnh tại báo cáo kiểm toán năm 2023.

Tính đến ngày 13/01/2025, Công ty đã thu hồi toàn bộ các khoản công nợ trên.

5.7 Nợ xấu

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác				
Nợ quá hạn trên 3 năm				
a) Phải thu của khách hàng	5.834.985.511	-	5.666.453.114	-
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Hạ tầng cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-
Công ty TNHH Xây dựng Cao Bang - Đài Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long	680.000.000	-	680.000.000	-
Công ty Cổ phần Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	651.420.000	-
Các đối tượng khác	2.080.682.044	-	1.912.149.647	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
b) Trả trước cho người bán	1.828.385.415	-	878.102.526	-
Công ty Cổ phần Nội thất Kính Atusa	583.581.039	-	583.581.039	-
Công ty Cổ phần Đại Đồng Khánh	486.898.196	-	-	-
Các đối tượng khác	757.906.180	-	294.521.487	-
Tổng	7.663.370.926	-	6.544.555.640	-

5.8 Hàng tồn kho

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	6.528.000	-	22.156.000	-
Chi phí SXKD dở dang	806.268.612.578	-	653.347.318.198	-
Hàng hóa	-	-	15.194.574.404	-
Tổng	806.275.140.578	-	668.564.048.602	-

5.9 Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ xuất dùng	251.595.542	439.872.976
Chi phí bảo hiểm	123.395.314	187.857.366
Chi phí phần mềm	163.588.768	241.177.323
Chi phí thuê nhà cho công nhân, BQL dự án	5.716.029.044	118.063.226
Chi phí sửa chữa	90.676.067	376.488.377
Chi phí tuyển dụng	-	78.599.166
Chi phí trả trước khác	21.414.745	17.142.939
Tổng	6.366.699.480	1.459.201.373
b) Dài hạn		
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng	1.147.937.858	1.700.612.135
Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower	37.260.606.190	38.224.242.550
Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower	18.278.787.932	18.751.515.200
Thuê văn phòng 96 Định Công	1.657.215.633	1.794.114.033
Chi phí sửa chữa	150.310.456	27.446.995
Chi phí phần mềm	-	84.613.658
Chi phí trả trước khác	292.251.233	7.235.944
Tổng	58.787.109.302	60.589.780.515

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>					
Số đầu năm	1.078.509.040	9.074.282.950	29.762.275.926	3.916.285.399	43.831.353.315
Mua trong năm	-	228.500.000	1.294.090.909	-	1.522.590.909
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>1.078.509.040</u>	<u>9.302.782.950</u>	<u>31.056.366.835</u>	<u>3.916.285.399</u>	<u>45.353.944.224</u>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số đầu năm	1.078.509.040	5.600.524.159	18.185.456.154	3.338.387.649	28.202.877.002
Khấu hao trong năm	-	830.209.921	2.823.847.874	175.882.890	3.829.940.685
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>1.078.509.040</u>	<u>6.430.734.080</u>	<u>21.009.304.028</u>	<u>3.514.270.539</u>	<u>32.032.817.687</u>
<i>Giá trị còn lại</i>					
Số đầu năm	-	3.473.758.791	11.576.819.772	577.897.750	15.628.476.313
Số cuối năm	-	<u>2.872.048.870</u>	<u>10.047.062.807</u>	<u>402.014.860</u>	<u>13.321.126.537</u>

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 6.797.774.753 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 20.706.591.981 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
	VND
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.051.687.851
Mua trong năm	-
Số cuối năm	1.051.687.851
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	903.912.578
Khấu hao trong năm	107.367.972
Số cuối năm	1.011.280.550
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	147.775.273
Số cuối năm	40.407.301

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta-V	127.665.814.375	127.665.814.375	127.665.814.375	127.665.814.375
Công ty Cổ phần Kỹ thuật SIGMA	68.170.597.952	68.170.597.952	60.320.744.543	60.320.744.543
Công ty Cổ phần Thương mại AMECC	-	-	10.615.428.228	10.615.428.228
Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	52.979.872.648	52.979.872.648	52.979.872.648	52.979.872.648
Shenzhen Gold Phoenix Overall Assembly Furniture Co., Ltd	59.524.227.502	59.524.227.502	68.141.516.753	68.141.516.753
Công ty TNHH Trường Thắng	31.525.175.907	31.525.175.907	33.575.175.907	33.575.175.907
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vương Thái Sơn	19.518.181.297	19.518.181.297	7.182.789.058	7.182.789.058
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quân Đạt	26.434.798.557	26.434.798.557	26.434.798.557	26.434.798.557
Công ty TNHH Tam Khải	40.199.090.555	40.199.090.555	-	-
Công ty Cổ phần Virex	77.217.875.290	77.217.875.290	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Đông Á	71.233.069.773	71.233.069.773	-	-
Các nhà cung cấp khác	198.792.259.362	198.792.259.362	154.306.558.486	154.306.558.486
Tổng	773.260.963.218	773.260.963.218	541.222.698.555	541.222.698.555

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.13 Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Zeta EC	-	53.707.498.345
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	3.160.937.239	1.208.097.239
Công ty Cổ phần Beda T&C	87.156.053.332	-
Các đối tượng khác	4.849.340.686	10.290.482.121
Tổng	95.166.331.257	65.206.077.705

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Điều chỉnh thuế GTGT nộp thừa VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	6.698.064.484	1.135.041.767	3.553.735.433	2.009.287.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.913.367.135	5.944.842.207	5.913.367.135	-	5.944.842.207
Thuế thu nhập cá nhân	1.004.808.326	3.494.087.544	2.543.290.403	-	1.955.605.467
Thuế, phí khác	-	4.500.000	4.500.000	-	-
Tổng	6.918.175.461	16.141.494.235	9.596.199.305	3.553.735.433	9.909.734.958

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay	2.080.907.877	1.676.727.423
Trích trước chi phí thi công công trình	-	11.995.400.007
Chi phí phải trả khác	14.963.600	-
Tổng	2.095.871.477	13.672.127.430

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác		
Doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng	1.445.048.480	3.612.621.200
Tổng	1.445.048.480	3.612.621.200

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phải trả khác các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	651.905.102	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	297.230.550	190.977.530
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	3.384.863	20.136.820
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.486.688.414	2.486.688.414
Các khoản phải trả, phải nộp khác	80.430.944.485	79.855.455.059
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh (*)	-	78.837.601.292
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Ba Đình (*)	78.060.000.000	-
- Các đối tượng khác	2.370.944.485	1.017.853.767
Tổng	<u>83.218.248.312</u>	<u>82.553.257.823</u>

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến khoản cấp LC bảo lãnh thanh toán cho nhà cung cấp nội địa về mua hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình	189.971.652.642	189.971.652.642	247.324.941.248	247.324.941.248
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	84.055.944.180	84.055.944.180	94.944.901.596	94.944.901.596
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh	123.986.709.500	123.986.709.500	63.939.916.850	63.939.916.850
Ngân hàng First Commercial Bank- Chi nhánh Hà Nội	23.139.473.683	23.139.473.683	23.140.000.000	23.140.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long	656.826.817.757	656.826.817.757	506.999.481.419	506.999.481.419
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở giao dịch	-	-	7.771.400.000	7.771.400.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Cầu Giấy	48.581.000.000	48.581.000.000	48.501.750.880	48.501.750.880
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Trì	80.983.176.786	80.983.176.786	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Tổng	1.257.544.774.548	1.257.544.774.548	1.007.622.391.993	1.007.622.391.993

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay trả trong năm	Số cuối năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình (i)	247.324.941.248	268.265.651.720	325.618.940.326	189.971.652.642
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (ii)	94.944.901.596	206.772.365.101	217.661.322.517	84.055.944.180
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh (iii)	63.939.916.850	355.326.266.870	295.279.474.220	123.986.709.500
Ngân hàng First Commercial Bank- Chi nhánh Hà Nội (iv)	23.140.000.000	46.496.492.286	46.497.018.603	23.139.473.683
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long (v)	506.999.481.419	1.319.682.556.365	1.169.855.220.027	656.826.817.757
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở giao dịch (vi)	7.771.400.000	4.300.000.000	12.071.400.000	-
Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Cầu Giấy (vii)	48.501.750.880	49.273.417.450	49.194.168.330	48.581.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Trì (viii)	15.000.000.000	140.705.900.000	74.722.723.214	80.983.176.786
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Long Biên (ix)	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Tổng	1.007.622.391.993	2.440.822.649.792	2.190.900.267.237	1.257.544.774.548

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Thanh Xuân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- (i) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0238/2024/HDHM-PN/SHB.111100 ký ngày 28/11/2024 (bao gồm cả các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 24/2023/HDHM-PN/SHB.111100 ký vào ngày 15/03/2023) của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình. Giá trị hạn mức tín dụng là 500 tỷ đồng, trong đó: Hạn mức cho vay và phát hành bảo lãnh thanh toán là 300 tỷ đồng, hạn mức cấp bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 200 tỷ đồng. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời gian duy trì hạn mức. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động thanh toán các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động thi công xây lắp cơ điện, hoạt động điện lực và kinh doanh thương mại của khách hàng. Tài sản đảm bảo là tài sản thuộc sở hữu của bên thứ ba.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 181847.23.057.252308.TD ký vào ngày 22/12/2023 của Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Hoàn Kiếm. Giá trị hạn mức tín dụng là 400 tỷ đồng, trong đó: Hạn mức vay là 100 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 45 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 300 tỷ đồng, hạn mức phát hành LC là 15 tỷ đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Hạn mức tín dụng sẽ có giá trị đến ngày 23/11/2024. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở LC phục vụ hoạt động cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây lắp điện của khách hàng. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ tài sản theo các hợp đồng cầm cố.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2024/408/HĐTD ký vào ngày 26/08/2024 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh. Giá trị hạn mức tín dụng là 118 tỷ đồng, trong đó: Hạn mức cho vay, mở L/C, bảo lãnh thanh toán là 98 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài thanh toán là 20 tỷ đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 30230066 ký vào ngày 12/10/2023 của Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Thành phố Hà Nội. Giá trị hạn mức tín dụng là 35.046.000.000 đồng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng. Mục đích vay để mua nội địa nguyên vật liệu hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ký quỹ tại Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Thành phố Hà Nội và tài sản thế chấp của bên thứ ba.
- (v) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 202226565375 ký vào ngày 22/06/2022 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long. Giá trị hạn mức tín dụng là 657 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay được gia hạn đến ngày 30 tháng 09 năm 2025. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ ba.
- (vi) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0074-2024-HDDTD1-BVB005 ký vào ngày 29/03/2024 của Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở Giao dịch. Giá trị hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay từ ngày 11/04/2024 đến ngày 29/03/2025. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm: Xe ô tô nhãn hiệu Mercedes GLS450 biển kiểm soát 30K-256.86; Xe ô tô nhãn hiệu Carnival biển kiểm soát 30K-258.01; 02 máy đào bánh xích nhãn hiệu Kobelco biển số đăng ký 29XA-3062 và 29XA-3063.
- (vii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0000414827/2023/HĐTD-BacABank.180 ký vào ngày 27/10/2023 của Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Cầu Giấy. Giá trị hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (ngoại trừ kinh doanh bất động sản).
- (viii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 186/2023/HĐTD/TTI ký ngày 13/12/2023 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Trì. Giá trị hạn mức tín dụng là 110 tỷ đồng, thời hạn sử dụng hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Thanh Xuân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- (ix) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số REF2427500112/HĐHMTDLT ký ngày 09/10/2024 của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Long Biên. Giá trị hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, thời hạn sử dụng hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại vật liệu xây dựng, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công xây lắp điện. Tài sản đảm bảo là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Long Biên với giá trị 40 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.19 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2023	652.000.000.000	(194.400.000)	-	113.053.377.461	764.858.977.461
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	21.197.554.991	21.197.554.991
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Số dư 01/01/2024	652.000.000.000	(194.400.000)	-	134.250.932.452	786.056.532.452
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	21.280.932.010	21.280.932.010
Tăng khác	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Chia lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2024	652.000.000.000	(194.400.000)	-	155.531.864.462	807.337.464.462

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty là 652.000.000.000 đồng, chia thành 65.200.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 31/12/2024 như sau:

Cổ đông

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Đầu tư Alphanam	541.202.100.000	83,01%	541.202.100.000	83,01%
Công ty CP Alphanam	39.601.700.000	6,07%	39.601.700.000	6,07%
Ông Nguyễn Minh Nhật	28.168.150.000	4,32%	28.168.150.000	4,32%
Các cổ đông khác	43.028.050.000	6,60%	43.028.050.000	6,60%
Tổng	652.000.000.000	100%	652.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	652.000.000.000	652.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	652.000.000.000	652.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	65.200.000	65.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	65.200.000	65.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.200.000	65.200.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.200.000	65.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.200.000	65.200.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 0 đồng
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Tăng</u> VND	<u>Giảm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
Quỹ đầu tư phát triển	840.866.910	-	-	840.866.910
Tổng	840.866.910	-	-	840.866.910

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.387.864.739.601	1.471.772.477.692
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.815.708.288	2.166.117.205
Doanh thu hoạt động xây lắp	852.392.979.658	723.460.113.531
Doanh thu kinh doanh bất động sản	6.490.876.068	17.918.632.591
Tổng	3.251.564.303.615	2.215.317.341.019

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.370.099.888.323	1.449.716.998.851
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.604.289.663	1.762.851.491
Giá vốn của hoạt động xây lắp	728.546.989.698	638.443.362.922
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	2.450.097.169	9.680.413.304
Tổng	3.102.701.264.853	2.099.603.626.568

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.526.674.860	272.075.403
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.088.500.513	662.010.050
Tổng	10.615.175.373	934.085.453

6.4 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	98.193.988.854	63.257.134.950
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6.552.107.604	1.660.385.708
Tổng	104.746.096.458	64.917.520.658

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	12.108.018.028	11.012.334.235
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.653.505.175	2.620.142.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.957.185.302	10.542.576.048
Các khoản chi phí QLDN khác	8.405.150.306	3.325.898.894
Tổng	31.123.858.811	27.500.951.616

6.6 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền đặt cọc thu được do chấm dứt hợp đồng	-	3.756.600.000
Tiền thưởng được nhận	-	100.000.000
Thuế GTGT nộp thừa các năm trước	3.553.735.433	-
Thu nhập khác	281.006.594	9.774.934
Tổng	3.834.742.027	3.866.374.934

6.7 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	204.300.000	330.845.743
Các khoản chi phí khác	12.926.676	653.934.695
Tổng	217.226.676	984.780.438

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	634.352.305.700	45.302.261.573
Chi phí nhân công	81.082.125.922	44.870.120.264
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.937.308.657	4.115.369.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	531.885.438.612	677.244.039.727
Chi phí khác	9.867.155.323	4.707.028.310
Tổng	1.261.124.334.214	776.238.818.960

6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	5.944.842.207	5.913.367.135
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.944.842.207	5.913.367.135

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.10 Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	2.440.822.649.792	1.364.061.335.513

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ vay theo khế ước thông thường	2.190.900.267.237	929.885.822.926

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Thu nhập HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

		Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Anh Quân	Ủy viên HĐQT	-	-
Bà Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc	1.495.800.000	1.525.400.000
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	650.800.000	520.400.000
Ông Nguyễn Đắc Tài	Phó Tổng Giám đốc	2.596.718.367	-
Bà Bùi Kim Yến	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Ông Đàm Văn Hán	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Bà Nguyễn Hải Yến	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 26/06/2024)	360.400.000	524.744.000
Bà Nguyễn Thị Nhật Hoan	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 26/06/2024)	729.195.512	-
Tổng		5.832.913.879	2.570.544.000

8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Alphanam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Zeta	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ thể thao Molta	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	Công ty cùng Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Giao dịch	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Foodinco Quy Nhơn	Hoàn trả tiền ứng trước	107.993.647.349	-

Chính sách mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu được áp dụng tương tự với các đơn vị khác, không có sự khác biệt về giá mua, bán.

Số dư phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn		
- Phải thu ngắn hạn khác	-	107.341.742.247
- Phải trả ngắn hạn khác	651.905.102	-
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung		
- Trả trước cho người bán	29.404.428.547	-

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin về bộ phận được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

10. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh Phía Bắc.

Bùi Thị Thúy Hà
Người lập biểu**Nguyễn Thị Duyên**
Kê toán trưởng**Trương Thị Thu Hiền**
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Audited separate financial statements
for the fiscal year ended as at 31 December 2024

M.S.D.N.

M.S.D.N.

TABLE OF CONTENTS

	Page
THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS' REPORT	1 - 3
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	4 - 5
SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS	
Separate balance sheet	6 - 7
Separate income statement	8
Separate cash Flow statement	9
Notes to the separate financial statements	10 - 36

THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS' REPORT (continued)

The Board of General Directors of Alphanam E&C Joint Stock Company ("the Company") presents its report and the separate financial statements for the fiscal year ended as at 31 December 2024.

1. General information

Alphanam E&C Joint Stock Company ("the Company"), formerly known as Alphanam Limited Company, was established and operated in accordance with the Law of Enterprise in Vietnam under the first Enterprise Registration Certificate (CER) No. 051581 dated 17 August 1995 issued by Hanoi Department of Investment and Planning.

The Company officially converted its form from a limited liability company to a joint stock company and changed its name to Alphanam Mechanical Electrical Joint Stock Company based on the Enterprise Registration Certificate (CER) for joint stock company No. 0103014620 dated 17 November 2006 issued by Hanoi Department of Investment and Planning.

According to the 4th amended Enterprise Registration Certificate (CER) dated 10 September 2013 issued by Hanoi Department of Investment and Planning, Alphanam Mechanical Electrical Joint Stock Company has been changed to Alphanam E&C Joint Stock Company.

During operation, the Company's CER had been changed to the 8th Enterprise Registration Certificate (CER) for joint stock company No. 0100520683 dated 07 June 2022 issued by Hanoi Department of Investment and Planning.

Charter capital:	652,000,000,000 VND (<i>Six hundred and fifty-two billion Vietnam Dong</i>)		
Par value of shares:	10,000 VND	Total share:	65,200,000 shares
Stock code:	AME	Listed on:	HNX

The headquarter of the Company is located at 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam.

The Company's main business activities according to the CER are:

- Construction of electrical works. Details: Construction activities, supply of materials and equipment for civil and industrial electrical works up to 500KV voltage; Construction and installation of social infrastructure works, technical infrastructure in industrial parks and urban areas; Other specialized construction activities;
- Installation of electrical systems; Installation of other construction systems; Construction of other civil engineering works;
- Installation of water supply and drainage systems, heating and air conditioning systems;
- General wholesale; Wholesale of other construction materials and installation equipment;
- Wholesale of other machinery, equipment and spare parts;
- Other specialized wholesale not elsewhere classified;
- Trading in real estate, land use rights owned, used or leased. Details: - Investment, construction and housing development business; - Leasing of premises and production workshops;
- Specialized design activities; Architectural and engineering activities and related technical consultancy;
- Manufacture of specialized machinery; Manufacture of lifting, handling and loading equipment; Manufacture of other non-metallic mineral products not elsewhere classified; Manufacture of tanks, reservoirs and containers of metal;
- Manufacture of clay building materials; Manufacture of paints, varnishes and similar coatings and coatings; Manufacture of printing ink and malt;
- Leasing of motor vehicles; Wholesale of motor vehicles and other motor vehicles; Maintenance and repair of motor vehicles and other motor vehicles;
- Other professional, scientific and technological activities not elsewhere classified;
- Agency, brokerage, auction of goods; Management consultancy activities; Organization of trade introduction and promotion; Advertising; Site preparation.

In 2024, the Company's main business activities are the trading in steel products, electric wires, construction materials, and installation of electrical systems.

2. The members of the Board of Management, Supervision and General Directors

The members of the Board of Management, Board of Supervision and General Directors who held office during the fiscal year ended as at 31 December 2024 and to the date of this report date are as follows:

THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS' REPORT (continued)**Board of Management**

<u>Name</u>	<u>Position</u>
Mr. Bui Hoang Tuan	Chairman
Mr. Nguyen Minh Nhat	Member
Mr. Nguyen Quan	Member

Board of Supervision

<u>Name</u>	<u>Position</u>
Mrs. Bui Kim Yen	Head
Mrs. Nguyen Thj Hai Yen	Member
Mr. Dam Van Han	Member

Board of General Directors

<u>Name</u>	<u>Position</u>
Mrs. Truong Thi Thu Hien	General Director
Mr. Lam Son Tung	Deputy General Director
Mr. Nguyen Dac Tai	Deputy General Director

Legal representative

<u>Name</u>	<u>Position</u>
Mrs. Truong Thi Thu Hien	General Director

3. The Company's financial position and operating results

The Company's financial position as at 31 December 2024 and its operating result for this fiscal year ended 31 December 2024 are presented in the accompanying separate financial statements.

4. Events subsequent to the balance sheet date

The Board of General Directors ensures that there have been no significant events occurring after the balance sheet date which would require adjustment or disclosure in the notes to the separate financial statements.

5. Auditors

AFC Vietnam Auditing Co., Ltd - Ha Thanh Branch has been appointed to review the separate financial statements for the fiscal year ended as at 31 December 2024 of the Company.

6. Statement of the Board of General Directors' responsibility in respect of the separate financial statements

The Board of General Directors is responsible for the separate financial statements of each fiscal year which give a true and fair view of the state of the financial position of the Company and of results of its operation and its cash flows for the fiscal year ended as at 31 December 2024. In preparing those separate financial statements, the Board of General Directors is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the separate financial statements;
- Prepare the separate financial statements on the going concern basic unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- Design, implement and maintain the Company's internal control for prevention and detection of frauds and errors.

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS' REPORT (Continued)

The Board of General Directors confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing the separate financial statements.

The Board of General Directors is responsible for ensuring that the accounting records are kept to reflect the financial position of the Company, with reasonable accuracy at any time, and to ensure that the accounting records comply with the Accounting System. The Board of General Directors is also responsible for controlling the assets of the Company and therefore has taken the appropriate measures for the prevention and detection of fraud and the statutory requirements relating to the preparation and presentation of the separate financial statements.

In addition, The Board of General Directors confirms that the Company has complied with the requirements under the Circular No.96/2020/TT-BTC dated 11 November 2020 of the Ministry of Finance which provides guidance on disclosure of information on the securities market.

7. Approval of the separate financial statements

The Board of General Directors hereby approve the accompanying separate financial statements which give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2024 and the results of its separate operations and separate cash flows of the Company with notes to the separate financial statement for this fiscal year in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Accounting System for enterprises and legal regulations relating to setting up and preparing the separate financial statements.

On behalf of the Board of General Directors



Truong Thi Thu Hien
General Director
Hanoi, 28 March 2025



No.: 019/2024/BCKT-HT.00202

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: Shareholders, the Board of Management and Board of General Directors of Alphanam E&C Joint Stock Company

We have audited the separate financial statements of Alphanam E&C Joint Stock Company ("the Company"), prepared on 28 March 2025, as set out on pages 06 to 36, including the separate balance sheet as at 31 December 2024, the separate income statement and the separate cash flow statement for the fiscal year ended 31 December 2024 and the Notes to the separate financial statements.

Board of General Directors' responsibility

The Board of General Directors is responsible for the preparation of separate financial statements that give a true and fair view in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Accounting System for Vietnamese enterprises and legal regulations relating to the preparation and presentation of the financial statements and for such internal control as The Board of General Directors determines necessary to enable the preparation of separate financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these separate financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the separate financial statements of the Company are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the separate financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the separate financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's of the separate financial statements that give a true and fair view in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the separate financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our qualified audit opinion.

Basis for qualified opinion

As of the date of this report has been issued, we have not received confirmation letter on the trade payable with total valued at 192,953,528,575 VND. With the documents provided, we are unable to perform alternative audit procedures to verify the completeness and existence of the above liabilities.

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT (Continued)

Auditor's qualified opinion

In our opinion, except for the effects of the matters referred to in the stage "Basis for Qualified Opinion," the separate financial statements give a true and fair view of the materiality. The financial statements of Alphanam E&C Joint Stock Company as at 31 December 2024, as well as the separate income statement and cash flows for the fiscal year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprises Accounting System and statutory requirements related to the preparation and presentation of the separate financial statements.

Other matter

The separate financial statements of Alphanam E&C Joint Stock Company for the fiscal year ended 31 December 2023 which was audited by auditors worked for other auditing firm. And they expressed the unqualified opinion and emphasized as Note 5.6 prepared on the accompanying Notes to the separate financial statements for the fiscal year ended 31 December 2023 dated 30 March 2024.



TRAN DINH DZUNG

Vice Director

Audit Practicing Registration Certificate:
1788-2023-009-1

A blue ink signature of Nguyen Dang Sy.

NGUYEN DANG SY

Auditor

Audit Practicing Registration Certificate:
3725-2021-009-1

AFC VIETNAM AUDITING COMPANY LIMITED - HA THANH BRANCH

Hanoi, 28 March 2025

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

SEPARATE BALANCE SHEET

31 December 2024

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Ending Balance	Opening Balance
A. CURRENT ASSETS	100		2,657,534,462,869	2,439,675,877,440
I. Cash and cash equivalents	110	5.1	22,447,751,830	8,657,099,514
1. Cash	111		22,447,751,830	7,937,099,514
2. Cash equivalents	112		-	720,000,000
II. Short term financial investments	120	5.2	227,645,083,418	12,560,000,000
1. Trading securities	121		185,685,083,418	-
2. Held-to-maturity investments	123		41,960,000,000	12,560,000,000
III. Short-term receivables	130		1,590,134,851,263	1,747,781,942,437
1. Short-term trade receivables	131	5.3	1,070,730,697,185	860,281,539,673
2. Short-term advances to suppliers	132	5.4	438,557,244,691	348,350,805,411
3. Receivable from short-term loans	135	5.5	39,870,219,938	-
4. Other short-term receivables	136	5.6	48,640,060,375	545,694,152,993
5. Provision for doubtful short-term debts	137	5.7	(7,663,370,926)	(6,544,555,640)
IV. Inventories	140		806,275,140,578	668,564,048,602
1. Inventories	141	5.8	806,275,140,578	668,564,048,602
2. Provision for devaluation in inventories	149		-	-
V. Other short-term assets	150		11,031,635,780	2,112,786,887
1. Short-term prepayments	151	5.9	6,366,699,480	1,459,201,373
2. VAT deductibles	152		4,664,936,300	653,585,514
B. NON-CURRENT ASSETS	200		380,994,643,140	76,366,032,101
I. Long-term receivables	210		-	-
II. Fixed assets	220		13,361,533,838	15,776,251,586
1. Tangible fixed assets	221	5.10	13,321,126,537	15,628,476,313
- Cost	222		45,353,944,224	43,831,353,315
- Accumulated depreciation	223		(32,032,817,687)	(28,202,877,002)
2. Intangible fixed assets	227	5.11	40,407,301	147,775,273
- Cost	228		1,051,687,851	1,051,687,851
- Accumulated depreciation	229		(1,011,280,550)	(903,912,578)
III. Investment property	230		-	-
IV. Long-term work in progress	240		-	-
V. Long-term financial investments	250		308,846,000,000	-
1. Investment in subsidiaries	251	5.2	308,846,000,000	-
VI. Other non-current assets	260		58,787,109,302	60,589,780,515
1. Long-term prepaid expenses	261	5.9	58,787,109,302	60,589,780,515
TOTAL ASSETS	270		3,038,529,106,009	2,516,041,909,541

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

SEPARATE BALANCE SHEET (continued)

31 December 2024

Unit: VND

NGUỒN VỐN	Code	Note	Ending Balance	Opening Balance
A. LIABILITIES	300		2,230,350,774,637	1,729,144,510,179
I. Current liabilities	310		2,230,350,774,637	1,729,144,510,179
1. Trade payables	311	5.12	773,260,963,218	541,222,698,555
2. Short-term advances from customers	312	5.13	95,166,331,257	65,206,077,705
3. Taxes and payables to State budget	313	5.14	9,909,734,958	6,918,175,461
4. Payables to employees	314		7,709,808,387	8,337,160,012
5. Short-term accrued expenses	315	5.15	2,095,871,477	13,672,127,430
6. Internal payables	316		-	-
7. Short-term unearned revenue	318	5.16	1,445,048,480	3,612,621,200
8. Other current payables	319	5.17	83,218,242,312	82,553,257,823
9. Short-term loans and financial lease liabilities	320	5.18	1,257,544,774,548	1,007,622,391,993
10. Transaction resale of Government bonds	324		-	-
II. Long-term liabilities	330		-	-
B. EQUITY	400		808,178,331,372	786,897,399,362
I. Owner's equity	410	5.19	808,178,331,372	786,897,399,362
1. Owners' invested capital	411		652,000,000,000	652,000,000,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		652,000,000,000	652,000,000,000
2. Share premium	412		(194,400,000)	(194,400,000)
3. Investment and development fund	418		840,866,910	840,866,910
4. Retained earnings	421		155,531,864,462	134,250,932,452
- Retained earnings brought forward	421a		134,250,932,452	113,053,377,461
- Retained earnings for the current year	421b		21,280,932,010	21,197,554,991
II. Other resources and other funds	430		-	-
TOTAL RESOURCES	440		3,038,529,106,009	2,516,041,909,541

Hanoi, 28 March 2025

PREPARER

CHIEF ACCOUNTANT

GENERAL DIRECTOR



BUI THI THUY HA



NGUYEN THI DUYEN



TRUONG THI THU HIEN

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

SEPARATE INCOME STATEMENT

For fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

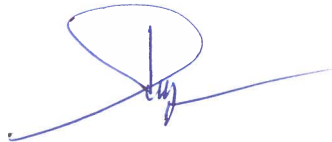
INDEX	Code	Note	This year	Last year
1 Revenue from sales of goods and services rendered	01	6.1	3,251,564,303,615	2,215,317,341,019
2 Less deductions	02		-	-
3 Net revenue from sales of goods and services rendered (10=01-02)	10		3,251,564,303,615	2,215,317,341,019
4 Cost of goods sold	11	6.2	3,102,701,264,853	2,099,603,626,568
5 Gross profit from sales of goods and services rendered (20=10-11)	20		148,863,038,762	115,713,714,451
6 Financial income	21	6.3	10,615,175,373	934,085,453
7 Financial expenses	22	6.4	104,746,096,458	64,917,520,658
- In which: Interest expense	23		98,193,988,854	63,257,134,950
8 Selling expenses	24		-	-
9 General and administration expenses	25	6.5	31,123,858,811	27,500,951,616
10 Operating profit	30		23,608,258,866	24,229,327,630
11 Other income	31	6.6	3,834,742,027	3,866,374,934
12 Other expenses	32	6.7	217,226,676	984,780,438
13 Profit from other activities (40=31-32)	40		3,617,515,351	2,881,594,496
14 Accounting profit before tax	50		27,225,774,217	27,110,922,126
15 Current corporate income tax expenses	51	6.9	5,944,842,207	5,913,367,135
16 Deferred corporate income tax expenses	52		-	-
17 Net profit after tax (60=50-51-52)	60		21,280,932,010	21,197,554,991

Hanoi, 28 March 2025

PREPARER

CHIEF ACCOUNTANT

GENERAL DIRECTOR


BUI THI THUY HA

NGUYEN THI DUYEN

TRUONG THI THU HIEN

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

SEPARATE CASH FLOW STATEMENT (Indirect method)

For fiscal year ended 31 December 2024

Đơn vị: VND

INDEX	Code	Note	This year	Last year
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
1. Accounting profit before tax	01		27,225,774,217	27,110,922,126
2. Adjustments for:				
- Depreciation and amortisation of fixed assets, investment pro	02		3,937,308,657	4,115,369,086
- Provisions	03		1,118,815,286	-
- Gain, loss foreign exchange rate differences upon revaluation of monetary	04		-	-
- Gain, loss from investing activities	05		(8,526,674,860)	(272,075,403)
- Interest expense	06		98,193,988,854	63,257,134,950
- Other adjustments	07		-	-
3. Operating profit before movements in working capital	08		121,949,212,154	94,211,350,759
- Increase, decrease in receivables	09		194,614,050,264	(600,164,044,037)
- Increase, decrease in inventories	10		(137,711,091,976)	211,341,437,834
- Increase, decrease in account payable (not consist of payables of interest expense and CIT)	11		250,848,226,377	(85,479,691,419)
- Increase, decrease in accrued expenses	12		(3,104,826,894)	3,422,230,749
- Increase, decrease in trading securities	13		(185,685,083,418)	-
- Interest expense paid	14		(97,789,808,400)	(62,830,870,289)
- Corporate income tax paid	15		(5,913,367,135)	(5,445,806,489)
- Other cash inflows	16		-	-
- Other cash outflows	17		-	-
Net cash flows from operating activities	20		137,207,310,972	(444,945,392,892)
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
1. Cash outflow for purchasing and construction of fixed assets :	21		(1,522,590,909)	(3,235,029,630)
2. Proceeds from disposal of fixed assets and other long-term a	22		-	-
3. Expenditures on loans and equity investment in other entities	23		(212,152,676,788)	(32,960,000,000)
4. Proceeds from lending or equity investment in other entities	24		142,882,456,850	20,446,370,914
5. Investment in other entities	25		(308,846,000,000)	-
6. Cash recovered from investments in other entities	26		-	-
7. Interest income received, dividends received	27		6,299,769,636	205,872,075
Net cashflow used in investing activities	30		(373,339,041,211)	(15,542,786,641)
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
1. Proceeds from issuing stocks, receiving capital from owners	31		-	-
2. Capital withdrawals, buying treasury shares	32		-	-
3. Proceeds from short-term borrowings	33	7.1	2,440,822,649,792	1,364,061,335,513
4. Repayment of borrowings	34	7.2	(2,190,900,267,237)	(929,885,822,926)
5. Repayment of principal and financial principal	35		-	-
6. Dividends or profits paid to owners	36		-	-
Net cashflow used in financing activities	40		249,922,382,555	434,175,512,587
NET CASH INFLOWS/OUTFLOWS IN THE PERIOD	50		13,790,652,316	(26,312,666,946)
Cash and cash equivalents at beginning of the year	60		8,657,099,514	34,969,766,460
Effects of changes in foreign exchange rate	61		-	-
Cash and cash equivalents at end of the year	70	5.1	22,447,751,830	8,657,099,514

PREPARER



BUI THI THUY HA

CHIEF ACCOUNTANT



NGUYEN THI DUYEN

Hanoi, 25 March 2025

GENERAL DIRECTOR



TRUONG THI THU HIEN

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

These notes form an integral part of and should be read along with the accompanying separate financial statements.

1. GENERAL INFORMATION

1.1 Forms of ownership

Alphanam E&C Joint Stock Company ("the Company"), formerly known as Alphanam Limited Company, was established and operated in accordance with the Law of Enterprise in Vietnam under the first Enterprise Registration Certificate (CER) No. 051581 dated 17 August 1995 issued by Hanoi Department of Investment and Planning.

The Company officially converted its form from a limited liability company to a joint stock company and changed its name to Alphanam Mechanical Electrical Joint Stock Company based on the Enterprise Registration Certificate (CER) for joint stock company No. 0103014620 dated 17 November 2006 issued by Hanoi Department of Investment and Planning.

According to the 4th amended Enterprise Registration Certificate (CER) dated 10 September 2013 issued by Hanoi Department of Investment and Planning, Alphanam Mechanical Electrical Joint Stock Company has been changed to Alphanam E&C Joint Stock Company.

During operation, the Company's CER had been changed to the 8th Enterprise Registration Certificate (CER) for joint stock company No. 0100520683 dated 07 June 2022 issued by Hanoi Department of Investment and Planning. According to this CER, the Company's charter capital is 652,000,000,000 VND (Six hundred and fifty-two billion Vietnam Dong).

The Company is listed on the Hanoi Stock Exchange (HNX). Stock code: AME.

1.2 Business field

Business fields of the Company are comprehensive electromechanical services and trading.

1.3 Business activities

The Company's main business activities according to the CER are:

- Construction of electrical works. Details: Construction activities, supply of materials and equipment for civil and industrial electrical works up to 500KV voltage; Construction and installation of social infrastructure works, technical infrastructure in industrial parks and urban areas; Other specialized construction activities;
- Installation of electrical systems; Installation of other construction systems; Construction of other civil engineering works; Other specialized wholesale not elsewhere classified;
- Installation of water supply and drainage systems, heating and air conditioning systems;
- General wholesale; Wholesale of other construction materials and installation equipment;
- Wholesale of other machinery, equipment and spare parts;
- Trading in real estate, land use rights owned, used or leased. Details: - Investment, construction and housing development business; - Leasing of premises and production workshops;
- Specialized design activities; Architectural and engineering activities and related technical consultancy;
- Manufacture of specialized machinery; Manufacture of lifting, handling and loading equipment; Manufacture of other non-metallic mineral products not elsewhere classified; Manufacture of tanks, reservoirs and containers of metal;
- Manufacture of clay building materials; Manufacture of paints, varnishes and similar coatings and coatings; Manufacture of printing ink and malt;
- Leasing of motor vehicles; Wholesale of motor vehicles and other motor vehicles; Maintenance and repair of motor vehicles and other motor vehicles;
- Other professional, scientific and technological activities not elsewhere classified;
- Agency, brokerage, auction of goods; Management consultancy activities; Organization of trade introduction and promotion; Advertising; Site preparation.

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

1.4 Business cycle

Business cycle of the Company is not exceeding 12 months.

1.5 Structure of enterprises

- The headquarter of the Company is located at 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam.
- As at 31 December 2024, the Company had a subsidiary: Zeta Infrastructure Development and Investment joint stock company. Zeta infrastructure development and investment Joint Stock Company had a subsidiary. Therefore, the Company had two subsidiaries, as follows:

Subsidiaries' name	Address	Main business operation	Parent's rate of interest	Parent's rate of voting rights
The direct subsidiary				
Zeta Infrastructure Development and Investment joint stock company	Hung Yen province	Construction	99.95%	99.95%
The direct subsidiary of Zeta Infrastructure Development and Investment joint stock company (The indirect subsidiary)				
Molta Sports Trading Services Co.,Ltd	Hanoi City	Real estate for rent	55%	55%

1.6 Employees

As at 31 December 2024, the Company has 250 people (As at 31 December 2023: 181 people).

1.7 Disclosure of information comparability in the financial statements

The comparative figures of the balance sheet, income statement and cash flow statement are the figures from the separate financial statements of the Company for the fiscal year ended 31 December 2023.

2. ACCOUNTING PERIOD AND ACCOUNTING CURRENCY**2.1 Fiscal year**

The financial year of the Company is from 01 January to 31 December annually.

2.2 Accounting currency

The Company maintains its accounting records in Vietnamese Dong (VND).

3. STANDARDS AND APPLICABLE ACCOUNTING POLICIES**3.1 Standards and applicable accounting policies**

The Company applies the Vietnamese Accounting Standards and Corporate Accounting System issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance and Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 31 March 2016 amending and supplementing a number of articles of Circular No. 200/2014/TT-BTC.

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

3.2 Comply with the Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Accounting System

The Board of General Directors is ensure that complied with the Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Accounting Regime under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 75/2015/TT-BTC dated 18 May 2015 and the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 31 March 2016 and as well as the guiding implementation of Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance in relating to the preparation and presentation of financial statements.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

4.1 Basis of preparation the separate financial statements

The separate financial statements are prepared on the accrual basis (except for information relating to cash flows).

The accompanying separate financial statements are not presented the financial position and results fo operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

4.2 Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the period have been translated into VND rates approximating actual rate of exchange ruling at the transaction dates.

Foreign exchange differences arising from these transactions are recognised in the separate income statement (financial income or financial expenses). Monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies at the balance sheet date are respectively translated at the buying and selling exchange rates at the balance sheet date of the bank where the Company regularly trades. The increasing or decreasing differences are recorded in the financial income or financial expenses after its are offset.

4.3 Accounting estimates

The preparation of financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of General Directors to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures ò contingent assets and liabilities at the date of financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the period. Although these accounting estimates are based on the Board of General Directors' best knowledge, actual results may differ from those estimates.

4.4 Cash and cash equivalents

Cash comprises cash on hand, cash at banks (demand deposits) and cash in transit. Cash equivalents are short-term highly liquid investments with an original maturity of three months or less that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

4.5 Financial investments

Trading securities

Investments are considered as trading securities when recording the purchases or sales of securities as prescribed for profits.

Trading securities must be recorded in the ledger according to cost prices: buying prices plus (+) buying costs (if any).

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

The basis price of trading securities shall be determined according to fair value of payments at the time in which the transaction takes place. The trading securities shall be recorded when the investors acquire ownership, in particular:

- Listed securities are recorded at the time of matching (T+0);
- Unlisted securities are recorded at the time in which the ownership is acquired as prescribed in regulations of law.

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held to maturity when the Company has the intent and to be ability to hold to maturity. Held to maturity investments include term deposits(including treasury bills, promissory notes), bonds, preference shares which the issuer is required to re-buy them in a certain time in the future and held to maturity loans to earn profits periodically and other held to maturity investments.

Held to maturity investments are initially recognized at cost including purchase price and the expenses related to the purchase of the investments. After initial recognition, these investments are recorded at their recoverable value. Interest income from held to maturity investments after the acquisition date is recognized in income statement on an estimates basis. Income before Company owns is deducted into the cost at acquisition.

When there is evidence surely about a part or all of the investment may be not recoverable and having damage can be measured reliably, the loss is recognized in financial expenses in the year and reduced direct investment values.

Loan receivables

Loan receivables are determined at cost less provision for doubtful debts. Provisions for doubtful debts of loans are stated based on the occurred estimated losses.

Investments in subsidiaries

Subsidiaries are controlled by the Company. The control is obtained when the Company has the ability to control the financial and operating policies of the investee enterprise so as to obtain economic benefits from the operation of this enterprise.

Investments in subsidiaries are initially recognized at initial cost, including purchase price or capital contributions plus costs directly attributable to the acquisition. In case of investment in non-monetary assets, the cost of the investment is recognized at the fair value of non-monetary assets at arise.

Dividends and profits from previous periods of the investments before purchase are accounted for the decrease in value of the investments. Dividends and profits of the following period are after purchase is recognized in revenue. Dividends received by shares are only followed up by the number of shares increases without recognizing the value of shares/and recorded at face value.

Provision for diminution in value of investments in subsidiaries are made when a subsidiary get loss at the level of appropriation equivalent to the difference between on subsidiaries' actual investment capital at economic organization and actual equity capital of economic organization multiplying the capital contribution rate of the Company in comparison with in subsidiaries' actual investment capital at economic organization. If the subsidiaries are the object up to present the consolidated financial statements, the basis for determining loss is the consolidated financial statements.

Increase or decrease in provision for diminution in value of investments of subsidiaries have recorded at the closing day, and is recognized in the financial expenses.

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

4.6 Receivables

Trade and other receivables are stated at cost less provision for doubtful debts.

The classification of receivables is trade receivables, internal receivables and other receivables, which is complied with the following principles:

- Trade receivables reflect the nature of the receivables arising from commercial transactions with purchase - sale between the Company and an independent purchaser.
- Other receivables reflect the nature of the receivables arising from non-commercial transactions, and to be related to the purchase - sale transactions.

The provision for doubtful debts represents the estimated loss due to non-payment arising on receivables that were outstanding at the balance sheet date. Increases and decreases to the provision balance are recognised as general and administration expenses in the income statement.

4.7 Inventories

Inventories are presented at the lower of cost and net realizable value.

The cost of inventories is determined base on all costs of purchase and related expenses directly incurred in bringing the inventories to their present location and condition including the cost of materials, direct labour and general manufacturing costs involved.

Net realizable value was calculated base on the estimated selling price of inventories in a normal production and business period minus (-) the estimated cost for completing the products and the estimated cost needed for their consumption.

Cost is determined on a weighted average method is used to record inventories and recorded under the perpetual inventory systems.

Provision for inventories is made for the estimated loss due to impairment in value (due to impairment, impairment, impairment, or obsolescence) that may occur for the asset. Materials, finished goods, inventories owned by the Company are based on evidence of impairment available at the balance sheet date. Increase or decrease in the balance of provision for impairment of inventories should be set aside at the fiscal year end and is recognized in cost of goods sold.

4.8 Prepaid expenses

Prepaid expenses relating only to the production and business costs of a financial year or business cycle are recognized as short-term prepaid expenses and included in the production and business expenses in the fiscal year. Expenditures incurred during the financial year but relating to the results of production and business activities of several accounting years are accounted into the long-term prepayment expenses to be gradually allocated to the results of business activities in the financial years.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses into production and business expenses in each accounting period shall be based on the nature and level of each type of expense in order to select the reasonable method and allocated factors. Prepaid expenses are amortized to expenses according to the straight-line method.

4.9 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition and location for its intended use. Expenditures for additions, improvements and renewals are capitalised on fixed assets accounts, expenditures for maintenance and repairs are charged to the income statement. Expenses incurred which do not meet the above conditions are recognized as production and business expenses in the period.

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

When assets are sold or retired, their cost and accumulated depreciation are removed from the balance sheet and any gain or loss resulting from their disposal is included in the income statement.

Depreciation of tangible fixed assets is calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of these assets, which are as follows:

<u>Type</u>	<u>Period</u> (years)
Buildings, structures	06 - 25
Machine, equipment	03 - 08
Vehicles, Transportation equipment	06 - 08
Office equipment	03 - 06

4.10 Intangible fixed assets

Intangible fixed assets determined at the initial costs less amortization.

The initial cost of an intangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition and location for its intended use.

Costs relating to intangible assets incurred after initial recognition are recognized to the income statement, except for costs which are related to the specific intangible assets and increase benefits economic from these assets.

The Company's intangible fixed assets include:

Computer software

The buying expenses of computer software which are not an integral part of related hardware are capitalized. Initial cost of computer software includes all the expenses paid until the date the software is put into use. Computer software is amortized in line with the straight-line method in 03 - 06 years.

4.11 Payables

The classification of liabilities is payable to suppliers and other payables, which complied with the following principles:

a. Trade payables reflect the nature of the payables arising from commercial transactions with purchase of goods, services, property between the Company and sellers (the independent unit of the Company, including amounts between the Parent company and its subsidiaries, joint ventures, affiliate). These payables include amounts payable arising due to importing through trustees (in trust import transactions);

b. Other payables reflects the nature of the payables of non-commercial, not related to the purchase, sale, rendering service transactions:

- Payables related to financial expenses, such as: interest expenses, dividends and profit payables, expenses for financial investment activities to be paid;
- Payables paid by third parties; Amounts entrusted by the recipient to be paid by related parties for payment as indicated in the import-export entrustment transaction;
- Payables are non-commercial, such as having to pay due to borrowed assets, paying for fines, compensations, excess assets awaiting for handling, paying for social insurance, health insurance, unemployment insurance ...

Payables are classified into long-term and short-term payables on the balance sheet based on remaining period from the balance sheet date to the maturity date. Liabilities shall be recognized when there are solid evidences of the possibility of economic loss on a prudent basis.

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

Payables in foreign currencies are revalued at the end of the period when preparing the financial statements. The actual exchange rate when revaluating payables in foreign currencies at the time of preparing the financial statements is the exchange rate announced by the commercial bank, where the entity has regular transactions (selected by Company itself, when dealing with customers).

4.12 Loans and finance lease liabilities

The loans and finance lease liabilities are kept records in details according to entities, and classified into short-term liabilities or long-term liabilities based on their payment period. If these payment period is over 12 months from the balance sheet date presented as long-term loans and under 12 months from the balance sheet date presented as short-term loans for set up the payment plan.

Direct expenses concerning to the loans and finance lease liabilities (except interest expense) such as appraisal, auditing, document compilation, bond issuance expenses shall be recorded as financial expenses. Interest expenses arise from loans for purposes of investment, construction or production of assets in progress, they shall be capitalized according to "Borrowing cost" accounting standard.

Payables in foreign currencies are revalued at the end of the period when preparing the financial statements. The actual exchange rate when revaluating payables in foreign currencies at the time of preparing the financial statements is the exchange rate announced by the commercial bank, where the entity has regular transactions (selected by Company itself, when dealing with customers). All foreign exchange differences are recorded in the unconsolidated interim income statement (financial income or financial expenses).

4.13 Borrowing costs and capitalization

Borrowing cost consist of interest and other costs that an entity incurs connection with the borrowing of funds. Borrowing costs are recorded as exxpense during the period which they are incurred except to the borrowing costs directly attributable to the acquisition, construction are capitalized according to No.16 VAS - "Borrowings costs".

Borrowings costs are recognized as expenses when incurred. Where the borrowing costs directly attributable to the acquisition, construction or production of uncompleted assets requires a substantial period (over 12 months) to get ready for use or sales, borrowing costs can be capitalized.

Regarding loans serving the construction of fixed assets, investment properties, and the interests shall be capitalized even if the construction duration is under 12 months;

4.14 Accrued expenses

Accrued expenses reflect the payables for goods and services received from the seller or provided with the purchaser but have not been paid until having invoices or having insufficient billing records, accounting records, and payables to employees including salary, production costs, sales must accruals.

The recognition of revenues and that of costs must match.

Accrued expenses will be settled at actual costs incurred. The difference between the amount deducted and the actual cost will be reversed.

4.15 Owners' equity

Owners' contributed capital is recorded according to the amount actually invested by shareholders.

Share premium

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

Share premium is recorded at the difference between the issuance price and the face value upon the initial issuance, additional issuance or the difference between re-issuance price and the net book value of treasury shares. Direct expenses related to additional issuance and re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premium.

Treasury stocks

When acquiring shares issued by the Company, payables including expenses related to the transaction are recorded as treasury shares and are reflected as a deduction in equity. When reissued, the difference between the price of re-release and the book value of treasury shares are recorded in the item "Share premium".

4.16 Distribution of net profits

Profit after tax is distributed to shareholders base on proportion of capital after decision of General Meeting of Shareholders and setting provision of reserved funds under the Charter of the Company and other prevailing regulations in Vietnam.

Distributing profits to shareholders, the Company considered non-monetary items in undistributed post-tax profits that may affect cash flow and ability to pay dividends, profits of enterprises, such as: Interest due to revaluation of assets contributed as capital; revaluation of monetary items; revaluation of financial instruments; Other non-monetary items ...

Dividend are classified as liabilities payable which issued by the General Shareholders Meeting.

4.17 Revenue

Revenue from sales of goods

Sale of merchandise shall be recognized if it simultaneously meets the following five (5) conditions:

- The enterprise has transferred the majority of risks and benefits associated with the right to own the products or goods to the buyer;
- The enterprise no longer holds the right to manage the goods as the goods owner, or the right to control the goods;
- Turnover has been determined with relative certainty;
- The enterprise has gained or will gain economic benefits from the good sale transaction; and It is possible to determine the costs related to the goods sale transaction.

Revenue from sales of service rendered

Revenue of a transaction involving the rendering of services is recognised when the outcome of such transactions can be measured reliably. The outcome of a transaction can be measured reliably when all four (4) following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably;
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the company
- The percentage of completion of the transaction at the interim balance sheet date can be measured reliably; and
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

Revenue from sales from construction contract

When the results of the construction contract was estimated reliably as follows:

- For construction contract that the contractors are paid according to the progress of the plan, revenues and expenses related to these contracts are recognized in proportion to the work completed by the Company determined in fiscal year end.

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

- For construction contract that the contractors are paid according to the value of the mass execution, revenue and expenses related to these contracts are recognized in proportion to the work completed by customers confirm and is reflected on the invoices made.

The increases, decreases of volume of construction, compensation and other income are recorded only when revenue has been agreed with the customer.

When the results of a construction contract cannot be estimated reliable, present as follow:

- Revenue is recognized only equivalent to the cost of the contract incurred that reimbursement is relatively certain.
- The cost of the contract is recognized only for the costs has incurred.

The difference between the total accumulated revenue of construction contracts recorded and accumulated amounts invoiced in accordance with progress in payment are recorded as accounts receivable or payable under the progress of the construction contract.

Revenue from leasing operations

Revenue from leasing operation are recognized on a straight-line basis during the leasing period. Rentals received in advance of several periods are allocated to revenue consistent with the lease period.

Interest

Interest is recognized on an accrual basis, are determined on the balance of cash in bank and the actual interest rate for each period.

4.18 Cost of goods sold

This reflects the cost of products, goods and services provided in the period.

The cost of goods sold are recognized in accordance with revenue in the period.

Costs and revenues set up by it must be recorded simultaneously on the principle of conformity. For the value of inventory lost, accountants must account immediately into the cost price of goods sold (after deducting compensation, if any).

4.19 Financial expenses

Reflecting financial expenses including expenses or losses related to financial investment activities, borrowing and borrowing expenses, expenses for joint venture capital contribution, loss of short-term securities transfer, transaction costs of selling securities; Provision for diminution in value of trading securities, provision for losses on investments in other entities, losses incurred when selling foreign currencies, exchange losses ...

Financial expenses shall not be considered as expenses for EIT calculation according to the provisions of the Tax Law, but they have sufficient invoices and vouchers and have been accurately accounted according to the accounting regime. Adjustment in the CIT finalization to increase the payable CIT.

4.20 Selling expenses and general and administrative expenses

Selling expenses represent expenses for selling purposes which mainly including salary expenses of selling staff (salary, wages, allowance...); social insurance, labour union fees, unemployment insurance of selling staff, expense of office material, tools and supplies, depreciation of fixed assets use for selling, expenses of offering, introducing, advertising, commision, warranty, package, storage, transporting, etc...

General and administrative expenses represent expenses for administrative purposes which mainly including salary expenses of administrative staff (salary, wages, allowance...); social insurance,

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

labour union fees, unemployment insurance of administrative staff, expenses of office material, tools and supplies, depreciation of fixed assets use for administration, land rental, licence tax, provision for bad debts, utilities (electricity, water, telephone, fax, assets warranty, fire and explosive accidents insurance, etc...) and other cash expenses (entertainment, customer conference, etc...).

4.21 Corporate income tax

Current income tax is the tax amount is calculated on taxable income. The Company is obliged to pay corporate income tax with the tax rate under regulations of the prevailing Law on corporate income taxes.

4.22 Related parties

Parties are considered a related party of the Company in case that party is able to control the company or to cause material effects on the financial decisions as well as operations of the Company. The parties are also considered to be related if they are jointly controlled or have a significant influence on a third party. These individuals are considered to be related parties: the key members of the Company (including the members of the Board of Directors and the Board of Managements of the Company and these one's enterprises or members of family).

5. ADDITIONAL INFORMATION TO ITEMS IN SEPARATE BALANCE SHEET**5.1 Cash and cash equivalents**

	Ending balance VND	Opening balance VND
Cash on hand	128,163,434	25,038,343
Cash at banks	22,319,588,396	7,912,061,171
Cash equivalents	-	720,000,000
Total	22,447,751,830	8,657,099,514

5.2 Financial investments**a) Trading securities**

	Ending balance			Opening balance		
	History cost	Book value	Provision	History cost	Book value	Provision
Stock						
Alpec Joint Venture JSC	185,685,083,418	(*)	-	-	(*)	-
Total	185,685,083,418	-	-	-	-	-

According to the Resolution No. 900/2024/NQ/AME-HDQT dated 01 July 2024 issued by the Board of Management, Alphanam E&C JSC received the transfer of 13,835,000 shares of Alpec Joint Venture JSC from Vietnam Investment Securities Corporation JSC with a transfer value of 185,481,694,500 VND for the purpose of investing in securities trading.

(*) At the date of prepared these financial statements, the Company has not determined the fair value of these investments for disclosure in the financial statements because these shares have not been listed on the Vietnamese stock market and the Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Enterprise Accounting Regime currently do not provide guidance on how to determination of fair value of shares based on the value methods. The fair value of these investments may differ from their book value.

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

b) Held-to-maturity investments

	Ending balance		Opening balance	
	History cost VND	Book value VND	History cost VND	Book value VND
Short-term				
- Term deposits	41,960,000,000	41,960,000,000	12,560,000,000	12,560,000,000
MB - Hoan Kiem branch	1,960,000,000	1,960,000,000	1,860,000,000	1,860,000,000
BIDV - Ngoc Khanh branch	-	-	10,700,000,000	10,700,000,000
SeABank - Long Bien branch (*)	40,000,000,000	40,000,000,000	-	-
Total	41,960,000,000	41,960,000,000	12,560,000,000	12,560,000,000

(*) The term deposits at SeABank - Long Bien Branch with a term of 13 months, interest rate of 5.5% per annum. This term deposits have been used as collateral for a loan at SeABank - Long Bien branch.

c) Investments in equity of other entities

	Ending balance			Opening balance		
	History cost	Fair value	Provisions	History cost	Fair value	Provisions
Subsidiaries						
Zeta Infrastructure Development and Investment JSC	308,846,000,000	(*)	-	-	(*)	-
Total	308,846,000,000		-	-		-

According to the Resolution No. 1067/2024/NQ/AME-HDQT dated 25 July 2024 issued by the Board of Management of Alphanam E&C JSC, the Company purchased 30,884,600 shares accounting for 99.95% of the total charter capital of Zeta Infrastructure Development and Investment JSC. 2024 is the first year of operation of Zeta Infrastructure Development and Investment JSC, and its main operation is trading.

There is no transaction between the Parent Company (Alphanam E&C JSC) and the Subsidiary (Zeta Infrastructure Development and Investment JSC)

(*) At the date of prepared these financial statements, the Company has not determined the fair value of these investments for disclosure in the financial statements because these shares have not been listed on the Vietnamese stock market and the Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Enterprise Accounting Regime currently do not provide guidance on how to determination of fair value of shares based on the value methods. The fair value of these investments may differ from their book value.

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

5.3 Trade receivables from customers

	Ending balance	Opening balance
	VND	VND
Other trade receivables from customers		
No.1 Delta Vietnam Investment JSC	580,855,823,477	571,276,437,288
Momota Land JSC	84,376,094,830	110,281,982,581
Delta Vietnam JSC	153,607,837,930	28,484,977,862
Sapa one member Co.,Ltd	37,326,801,587	-
Gamma Construction and Trading Co.,Ltd	38,842,590,623	41,042,590,623
Southern Vietnam Power Projects Management Board - Branch of the National Power Transmission Corporation	-	12,312,526,275
Central Vietnam Power Projects Management Board - Branch of the National Power Transmission Corporation	37,255,116,397	39,849,956,299
Zeta EC JSC	54,450,749,297	-
Other entities	84,015,689,044	57,033,068,745
Total	<u>1,070,730,703,185</u>	<u>860,281,539,673</u>

5.4 Short-term advances to suppliers

	Ending balance	Opening balance
	VND	VND
Other advances to suppliers		
Hung Tien Kim Son JSC	7,439,857,752	114,561,774,881
Virex JSC	-	75,413,125,988
Middle Area Foodinco JSC	29,404,428,547	31,184,428,547
Ha Tay Construction Investment JSC	70,515,000,000	70,515,000,000
Momota Investment and Trading JSC	265,625,000,000	-
Fanxipang Infrastructure Congstruction and Landscaping Co.,Ltd	27,317,680,718	7,907,482,271
Other entities	38,255,277,674	48,768,993,724
Total	<u>438,557,244,691</u>	<u>348,350,805,411</u>

5.5 Receivable from short-term loans

	Ending balance	Opening balance
	VND	VND
Other organizations and individuals		
Virex JSC (*)	7,278,219,938	-
Momota Investment and Trading JSC (*)	21,502,000,000	-
Gamma Trade and Constructions Co.,Ltd (*)	11,090,000,000	-
Total	<u>39,870,219,938</u>	<u>-</u>

(*) Loans under a loan agreement with a loan term of 1 year, interest rate of 10%/year and no collateral.

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

5.6 Other short-term receivables

	Ending balance		Opening balance	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
Related parties				
Quy Nhon Foodinco JSC (2)	-	-	107.341.742.247	-
Other organizations and individuals				
Advances	435,569,985	-	1,309,511,096	-
Desposits	12,454,020,269	-	10,096,634,684	-
- <i>Mortgage deposit (1)</i>	12,367,170,269	-	7,031,984,684	-
- <i>Others</i>	86,850,000	-	3,064,650,000	-
Other receivables	35,750,470,121	-	426,946,264,966	-
- <i>Ha Tay Construction Investment JSC (2)</i>	32,548,259,052	-	382,400,000,000	-
- <i>Dong A Service and Trading JSC (2)</i>	-	-	13,640,000,000	-
- <i>Middle Area Foodinco JSC (2)</i>	-	-	30,695,000,000	-
- <i>Others</i>	3,202,211,069	-	211,264,966	-
Total	48,640,060,375	-	545,694,152,993	-

- (1) The term deposits at First Commercial Bank - Hanoi City Branch with a term of 12 months, interest rate of 1.1% per annum. This term deposits have been used as collateral for a loan at First Commercial Bank - Hanoi City Branch.
- (2) These receivables are advances from customers to perform construction contracts but not performed and these contracts have been liquidated which was prepared in the emphasis in the audited separate financial statements for the fiscal year ended as at 31 December 2023.

As of 13 January 2025, the Company has recovered all of the above other receivables.

5.7 Doubtful debts

	Opening balance		Ending balance	
	Cost VND	Recoverable amount VND	Cost VND	Recoverable amount VND
Receivables from other organizations and individuals				
Debt overdue for more than 3 years				
a) Trade receivables from customers	5,834,985,511	-	5,666,453,114	-
Project Management Board of Construction Investment in water supply infrastructure from Song Da river - VINACONEX	1,385,095,467	-	1,385,095,467	-
Cao Bang - Dai Loan Constructions Co.,Ltd	1,037,788,000	-	1,037,788,000	-
Dia Long Investment and Construction JSC	680,000,000	-	680,000,000	-
Hong Ha Contrexim JSC	651,420,000	-	651,420,000	-
Others	2,080,682,044	-	1,912,149,647	-

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

	Opening balance		Ending balance	
	Cost	Recoverable amount	Cost	Recoverable amount
	VND	VND	VND	VND
b) Advances to suppliers	1,828,385,415	-	878,102,526	-
Atusa Glass Interior JSC	583,581,039	-	583,581,039	-
Dai Dong Khanh JSC	486,898,196	-	-	-
Others	757,906,180	-	294,521,487	-
Total	7,663,370,926	-	6,544,555,640	-

5.8 Inventories

	Opening balance		Ending balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Tools and supplies	6,528,000	-	22,156,000	-
Work in progress	806,268,612,578	-	653,347,318,198	-
Merchandise goods	-	-	15,194,574,404	-
Total	806,275,140,578	-	668,564,048,602	-

5.9 Prepaid expenses

	Ending balance	Opening balance
	VND	VND
a) Short-term		
Tools and equipment cost	251,595,542	439,872,976
Insurance costs	123,395,314	187,857,366
Software costs	163,588,768	241,177,323
Housing rental costs for workers, PM board	5,716,029,044	118,063,226
Costs of repairing	90,676,067	376,488,377
Costs of recruiting	-	78,599,166
Other prepaid expenses	21,414,745	17,142,939
Total	6,366,699,480	1,459,201,373
b) Long-term		
Tools and equipment cost	1,147,937,858	1,700,612,135
Office rental costs at 2 nd & 3 rd floor, Sakura Tower	37,260,606,190	38,224,242,550
Office rental costs at 3B block, Sakura Tower	18,278,787,932	18,751,515,200
Office rental costs at 96 Dinh Cong	1,657,215,633	1,794,114,033
Costs of repairing	150,310,456	27,446,995
Software costs	-	84,613,658
Other prepaid expenses	292,251,233	7,235,944
Total	58,787,109,302	60,589,780,515

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

5.10 Increase/decrease of tangible fixed assets

	Buildings, structures VND	Machinery VND	Vehicles, transportation VND	Management equipment VND	Total VND
Cost					
Opening balance	1,078,509,040	9,074,282,950	29,762,275,926	3,916,285,399	43,831,353,315
Increasing during the year	-	228,500,000	1,294,090,909	-	1,522,590,909
Finished constructions	-	-	-	-	-
Disposal, selling	-	-	-	-	-
Ending balance	<u>1,078,509,040</u>	<u>9,302,782,950</u>	<u>31,056,366,835</u>	<u>3,916,285,399</u>	<u>45,353,944,224</u>
Accumulated depreciation					
Opening balance	1,078,509,040	5,600,524,159	18,185,456,154	3,338,387,649	28,202,877,002
Depreciation in year	-	830,209,921	2,823,847,874	175,882,890	3,829,940,685
Disposal, selling	-	-	-	-	-
Other increase	-	-	-	-	-
Ending balance	<u>1,078,509,040</u>	<u>6,430,734,080</u>	<u>21,009,304,028</u>	<u>3,514,270,539</u>	<u>32,032,817,687</u>
Net book value					
Opening balance	-	3,473,758,791	11,576,819,772	577,897,750	15,628,476,313
Ending balance	<u>-</u>	<u>2,872,048,870</u>	<u>10,047,062,807</u>	<u>402,014,860</u>	<u>13,321,126,537</u>

- As at 31 December 2024, net book value of fixed tangible assets which are deposited and mortgaged is 6,797,774,753 VND.

- As at 31 December 2024, cost of fixed tangible assets which are fully depreciated but still in use with amount: 20,706,591,981 VND.

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

5.11 Increase/decrease of intangible fixed assets

	Softwares VND
Cost	
Opening balance	1,051,687,851
Increase in year	-
Ending balance	1,051,687,851
Accumulated depreciation	
Opening balance	903,912,578
Depreciation in year	107,367,972
Ending balance	1,011,280,550
Net book value	
Opening balance	147,775,273
Ending balance	40,407,301

5.12 Short-term trade payables

	Ending balance		Opening balance	
	Amount VND	Amount can be paid VND	Amount VND	Amount can be paid VND
Other trade payables				
Delta-V Construction and Technology Application JSC	127,665,814,375	127,665,814,375	127,665,814,375	127,665,814,375
SIGMA Engineering JSC	68,170,597,952	68,170,597,952	60,320,744,543	60,320,744,543
AMECC Trading JSC	-	-	10,615,428,228	10,615,428,228
Delta Construction Group Co.,Ltd	52,979,872,648	52,979,872,648	52,979,872,648	52,979,872,648
Shenzhen Gold Phoenix Overall Assembly Furniture Co., Ltd	59,524,227,502	59,524,227,502	68,141,516,753	68,141,516,753
Truong Thang Co.,Ltd	31,525,175,907	31,525,175,907	33,575,175,907	33,575,175,907
Vuong Thai Son Infrastructure Development JSC	19,518,181,297	19,518,181,297	7,182,789,058	7,182,789,058
Quan Dat Trading and Production Co.,Ltd	26,434,798,557	26,434,798,557	26,434,798,557	26,434,798,557
Tam Khai Co.,Ltd	40,199,090,555	40,199,090,555	-	-
Virex JSC	77,217,875,290	77,217,875,290	-	-
Dong A Infrastructure Development and Investment JSC	71,233,069,773	71,233,069,773	-	-
Others	198,792,259,362	198,792,259,362	154,306,558,486	154,306,558,486
Total	773,260,963,218	773,260,963,218	541,222,698,555	541,222,698,555

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

5.13 Advances from customers

	Ending balance	Opening balance
	VND	VND
Other advances from customers		
EC Zeta JSCz	-	53,707,498,345
Dong A Service and Trading JSC	3,160,937,239	1,208,097,239
T&C Beda JSC	87,156,053,332	-
Others	4,849,340,686	10,290,482,121
Total	95,166,331,257	65,206,077,705

5.14 Taxes and payables to the State Budget

	Opening balance	Taxes payable	Amount paid	Adjustment of excess VAT paid	Ending balance
	VND	VND	VND	VND	VND
Value added tax	-	6,698,064,484	1,135,041,767	3,553,735,433	2,009,287,284
Corporate income tax	5,913,367,135	5,944,842,207	5,913,367,135	-	5,944,842,207
Personal income tax	1,004,808,326	3,494,087,544	2,543,290,403	-	1,955,605,467
Fees, other taxes	-	4,500,000	4,500,000	-	-
Total	6,918,175,461	16,141,494,235	9,596,199,305	3,553,735,433	9,909,734,958

5.15 Short-term accrued expenses

	Ending balance	Opening balance
	VND	VND
Other organizations and individuals		
Interest expenses	2,080,907,877	1,676,727,423
Cost of construction	-	11,995,400,007
Others	14,963,600	-
Total	2,095,871,477	13,672,127,430

5.16 Short-term unearned revenue

	Ending balance	Opening balance
	VND	VND
Other organizations and individuals		
Revenue from office rental	1,445,048,480	3,612,621,200
Total	1,445,048,480	3,612,621,200

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

5.17 Short-term other payables

	Ending balance	Opening balance
	VND	VND
Other organizations and individuals		
Trade union fees	297,230,550	190,977,530
Social, health and unemployment insurance	3,384,863	20,136,820
Deposit received	2,486,688,414	2,486,688,414
Other payables	80,430,944,485	79,855,455,059
- <i>BIDV - Ngoc Khanh Branch (*)</i>	-	78,837,601,292
- <i>SHB - Ba Dinh Branch (*)</i>	78,060,000,000	-
- <i>Others</i>	2,370,944,485	1,017,853,767
Total	83,218,248,312	82,553,257,823

(*) Payables had been related to the LC guarantee for payment to domestic suppliers for the purchase of goods.

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

5.18 Short-term loans and financial leases

Unit: VND

	Ending balance		Opening balance	
	Amount	Amount of payable	Amount	Amount of payable
Short-term bank loans				
SHB - Ba Dinh Branch	189,971,652,642	189,971,652,642	247,324,941,248	247,324,941,248
MB - Hoan Kiem Branch	84,055,944,180	84,055,944,180	94,944,901,596	94,944,901,596
BIDV - Ngoc Khanh Branch	123,986,709,500	123,986,709,500	63,939,916,850	63,939,916,850
First Commercial Bank - Hanoi Branch	23,139,473,683	23,139,473,683	23,140,000,000	23,140,000,000
Sacombank - Thang Long Branch	656,826,817,757	656,826,817,757	506,999,481,419	506,999,481,419
Bao Viet Bank - So Giao Dich Branch	-	-	7,771,400,000	7,771,400,000
Bac A Bank - Cau Giay Branch	48,581,000,000	48,581,000,000	48,501,750,880	48,501,750,880
Tien Phong Bank - Thanh Tri Branch	80,983,176,786	80,983,176,786	15,000,000,000	15,000,000,000
SeABank - Long Bien Branch	50,000,000,000	50,000,000,000	-	-
Total	1,257,544,774,548	1,257,544,774,548	1,007,622,391,993	1,007,622,391,993

Transaction in detail as follows:

	Opening balance	Increase in year	Amount paid in year	Ending balance
Short-term bank loans				
SHB - Ba Dinh Branch (i)	247,324,941,248	268,265,651,720	325,618,940,326	189,971,652,642
MB - Hoan Kiem Branch (ii)	94,944,901,596	206,772,365,101	217,661,322,517	84,055,944,180
BIDV - Ngoc Khanh Branch (iii)	63,939,916,850	355,326,266,870	295,279,474,220	123,986,709,500
First Commercial Bank - Hanoi Branch (iv)	23,140,000,000	46,496,492,286	46,497,018,603	23,139,473,683
Sacombank - Thang Long Branch (v)	506,999,481,419	1,319,682,556,365	1,169,855,220,027	656,826,817,757
Bao Viet Bank - So Giao Dich Branch (vi)	7,771,400,000	4,300,000,000	12,071,400,000	-
Bac A Bank - Cau Giay Branch (vii)	48,501,750,880	49,273,417,450	49,194,168,330	48,581,000,000
Tien Phong Bank - Thanh Tri Branch (viii)	15,000,000,000	140,705,900,000	74,722,723,214	80,983,176,786
SeABank - Long Bien Branch (ix)	-	50,000,000,000	-	50,000,000,000
Total	1,007,622,391,993	2,440,822,649,792	2,190,900,267,237	1,257,544,774,548

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

- (i) Short-term loan under the credit limit contract No. 0238/2024/HDHM-PN/SHB.111100 signed on 28 November 2024 (including short-term loans under the credit limit contract No. 24/2023/HDHM-PN/SHB.111100 signed on 15 March 2023) between the Company and SHB - Hanoi Branch. The credit limit value is 500 billion VND, of which: The loan limit and payment guarantee issuance limit is 300 billion VND, the guarantee limit (excluding payment guarantee) is 200 billion VND. Loan interest rate for each debt receipt. Limit maintenance period. Loan purpose is to supplement working capital to pay input costs for construction and installation of electromechanical equipment, electricity activities and commercial business of customers. Collateral is property owned by a third party.
- (ii) Short-term loan under credit limit contract No. 181847.23.057.252308.TD signed on 22 December 2023 between the Company and MB - Hoan Kiem Branch. The credit limit value is 400 billion VND, of which: Loan limit is 100 billion VND, payment guarantee limit is 45 billion VND, guarantee limit outside payment guarantee is 300 billion VND, LC issuance limit is 15 billion VND, loan interest rate is based on each debt receipt. The credit limit will be valid until 23 November 2024. The purpose of the loan is to supplement working capital, issue guarantees, open L/C to serve the activities of supplying materials and equipment and performing electrical construction and installation of the Company's customers. Collateral includes all assets under mortgage contracts.
- (iii) Short-term loan under credit limit contract No. 01/2024/408/HDTD signed on 26 August 2024 between the Company and BIDV - Ngoc Khanh Branch. The credit limit value is 118 billion VND, of which: Loan limit, opening L/C, payment guarantee is 98 billion VND, non-payment guarantee limit is 20 billion VND, loan interest rate is based on each debt receipt. The credit limit term is 12 months. The purpose of the loan is to supplement working capital. The loan is secured by assets of a third party.
- (iv) Short-term loan under credit limit contract No. 30230066 signed on 12 October 2023 between the Company and First Commercial Bank - Hanqi Branch. The credit limit value is 35,046,000,000 VND, the interest rate is specified in each debt receipt. The credit limit term is 12 months from the date of signing the credit contract. The purpose of the loan is to purchase domestic raw materials and goods for production and business purposes. The collateral includes all of term deposit contract deposited at First Commercial Bank - Hanoi Branch and the collateral of a third party.
- (v) Short-term loan under credit limit agreement No. 202226565375 signed on 22 June 2022 and the agreements amending and supplementing the credit contract between the Company and Sacombank - Thang Long Branch. The credit limit value is 657 billion VND, the interest rate is specified in each debt receipt. The loan limit maintenance period is extended to 30 September 2025. The purpose of the loan is to supplement working capital for production and business activities. The collateral is the property of a third party.
- (vi) Short-term loan under credit limit contract No. 0074-2024-HDDTD1-BVB005 signed on 29 March 2024 between the Company and Bao Viet Bank - So Giao Dich Branch. The credit limit value is 50 billion VND, the interest rate is specified in each debt receipt. The loan term is from 11 April 2024 to 29 March 2025. The purpose of the loan is to supplement working capital for production and business activities. Collateral includes: Mercedes GLS450 car with license plate 30K-256.86; Carnival car with license plate 30K-258.01; 02 Kobelco crawler excavators with registration numbers 29XA-3062 and 29XA-3063.
- (vii) Short-term loan under credit limit contract No. 0000414827/2023/HDTD-BacABank.180 signed on 27 October 2023 between the Company and Bac A Bank - Cau Giay Branch of Bac A Commercial Joint Stock Bank - Cau Giay Branch. The credit limit value is 50 billion VND, the interest rate is specified in each debt receipt. The loan limit maintenance period is 12 months. The purpose of the loan is to supplement working capital for production and business activities (except for real estate business).
- (viii) Short-term loan under credit limit contract No. 186/2023/HDTD/TTI signed on 13 December 2023 between the Company and Tien Phong Bank - Thanh Tri Branch. The credit limit value is 110 billion VND, the limit term is 12 months from the date of signing the contract, the interest rate is specified for each debt receipt. The purpose of the loan is to supplement working capital for production and business activities.

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

- (ix) Short-term loan under credit limit contract No. REF2427500112/HDHMTDLT signed on 9 October 2024 between the Company and SeABank - Long Bien Branch. The credit limit value is VND 50 billion, the term of the limit is 12 months from the date of signing the contract, the loan interest rate is based on each debt receipt. The purpose of the loan is to supplement working capital for trading in construction materials, supplying materials, equipment and electrical construction. The collateral is a term deposit at SeABank - Long Bien Branch with a value of 40 billion VND.

ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY

Address: 3rd floor, 108 Nguyen Trai street, Thuong Dinh ward, Thanh Xuan district, Hanoi City, Vietnam

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

5.19 Owners' equity

The table of equity fluctuation:

	Owners' invested capital VND	Share premium VND	Treasury stocks VND	Retained earnings VND	Total VND
As at 01/01/2023	652,000,000,000	(194,400,000)	-	113,053,377,461	764,858,977,461
Increase in year	-	-	-	-	-
Profit in year	-	-	-	21,197,554,991	21,197,554,991
Appropriation of funds	-	-	-	-	-
As at 01/01/2024	652,000,000,000	(194,400,000)	-	134,250,932,452	786,056,532,452
Increase in year	-	-	-	-	-
Profit in year	-	-	-	21,280,932,010	21,280,932,010
Other increasing	-	-	-	-	-
Appropriation of funds	-	-	-	-	-
Distribution of profit	-	-	-	-	-
Other decreasing	-	-	-	-	-
As at 31/12/2024	652,000,000,000	(194,400,000)	-	155,531,864,462	807,337,464,462

Details of shareholders as of 31 December 2024 are as follows:

Owners' invested capital of the Company is 652,000,000,000 VND, divided into 65,200,000 common shares with a par value of 10,000VND per share. Details of shareholders as of 31/12/2024 are as follows:

Shareholders

	31/12/2024		01/01/2024	
	Amount of contributed capital VND	Rate %	Amount of contributed capital VND	Rate %
Alphanam Investment JSC	541,202,100,000	83.01%	541,202,100,000	83.01%
Alphanam JSC	39,601,700,000	6.07%	39,601,700,000	6.07%
Nguyen Minh Nhat	28,168,150,000	4.32%	28,168,150,000	4.32%
Others	43,028,050,000	6.60%	43,028,050,000	6.60%
Total	652,000,000,000	100%	652,000,000,000	100%

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

Capital transactions with owners and distribution of dividends, profits

	<u>Year 2024</u>	<u>Year 2023</u>
- Owner's invested capital		
+ At the beginning of year	652,000,000,000	652,000,000,000
+ Increase in the year	-	-
+ Decrease in the year	-	-
+ At the ending of year	652,000,000,000	652,000,000,000
- Dividends, profits divided	-	-

Shares

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
Registered number of issued shares	65,200,000	65,200,000
Number of shares sold to the public	65,200,000	65,200,000
- <i>Ordinary shares</i>	65,200,000	65,200,000
- <i>Preferred share</i>	-	-
Number of repurchased shares (Treasury shares)	-	-
- <i>Ordinary shares</i>	-	-
- <i>Preferred share</i>	-	-
Number of shares in circulation	65,200,000	65,200,000
- <i>Ordinary shares</i>	65,200,000	65,200,000
- <i>Preferred share</i>	-	-

Par value of shares in circulation is 10,000 VND/share.

Dividends

- Dividends declared after the balance sheet date:
 - + *Dividend declared on common share: 0 VND*
 - + *Declared dividend on preferred shares: 0 VND*
- Dividends of cumulative preference shares have not been recognized: 0 VND

Funds

	<u>Opening balance VND</u>	<u>Increase VND</u>	<u>Decrease VND</u>	<u>Ending balance VND</u>
Investment and development funds	840,866,910	-	-	840,866,910
Total	840,866,910	-	-	840,866,910

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

6. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE SEPARATE INCOME STATEMENT**6.1 Revenue from sale of goods and services rendered**

	This year VND	Last year VND
Revenue from sale of goods	2,387,864,739,601	1,471,772,477,692
Revenue from installing services	4,815,708,288	2,166,117,205
Revenue from construction	852,392,979,658	723,460,113,531
Revenue from real estate	6,490,876,068	17,918,632,591
Total	3,251,564,303,615	2,215,317,341,019

6.2 Costs of goods sold

	This year VND	Last year VND
Cost of sale of goods	2,370,099,888,323	1,449,716,998,851
Cost of installing services	1,604,289,663	1,762,851,491
Cost of construction	728,546,989,698	638,443,362,922
Cost of real estate	2,450,097,169	9,680,413,304
Total	3,102,701,264,853	2,099,603,626,568

6.3 Financial income

	This year VND	Last year VND
Interest income	8,526,674,860	272,075,403
Foreign exchange difference profit	2,088,500,513	662,010,050
Total	10,615,175,373	934,085,453

6.4 Financial expenses

	This year VND	Last year VND
Interest expenses	98,193,988,854	63,257,134,950
Foreign exchange difference loss	6,552,107,604	1,660,385,708
Total	104,746,096,458	64,917,520,658

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

6.5 Administrative expenses

	This year VND	Last year VND
Employees cost	12,108,018,028	11,012,334,235
Fixed asset depreciation	2,653,505,175	2,620,142,439
Outside services rendered	7,957,185,302	10,542,576,048
Other costs	8,405,150,306	3,325,898,894
Total	31,123,858,811	27,500,951,616

6.6 Other income

	This year VND	Last year VND
Deposit received due to contract termination	-	3,756,600,000
Bonus received	-	100,000,000
Excess VAT paid in previous years	3,553,735,433	-
Others	281,006,594	9,774,934
Total	3,834,742,027	3,866,374,934

6.7 Other expenses

	This year VND	Last year VND
Penalties	204,300,000	330,845,743
Others	12,926,676	653,934,695
Total	217,226,676	984,780,438

6.8 Production cost according to factors

	This year VND	Last year VND
Cost of raw materials	634,352,305,700	45,302,261,573
Staff cost	81,082,125,922	44,870,120,264
Depreciation cost	3,937,308,657	4,115,369,086
Outside services rendered	531,885,438,612	677,244,039,727
Other cost	9,867,155,323	4,707,028,310
Total	1,261,124,334,214	776,238,818,960

6.9 Corporate income tax (CIT)**Current corporate income tax expense**

	This year VND	Last year VND
Current corporate income expense	5,944,842,207	5,913,367,135
Adjustments for corporate income expense in previous year to the current year	-	-
Total current corporate income expense	5,944,842,207	5,913,367,135

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

6.10 Earnings per share

Information of earnings per share shall be presented on the consolidated financial statement of the Company.

7. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE STATEMENT OF CASH FLOWS**7.1 Proceeds from borrowings**

	<u>This year VND</u>	<u>Last year VND</u>
Proceeds from loan drawdown confirmation	2,440,822,649,792	1,364,061,335,513

7.2 Cash repayments of borrowings

	<u>This year VND</u>	<u>Last year VND</u>
Cash repayment of loans from borrowings	2,190,900,267,237	929,885,822,926

8. OTHER INFORMATION**8.1 Transactions with members of key management and related ones as follows:**

		<u>This year VND</u>	<u>Last year VND</u>
Mr. Bui Hoang Tuan	Chairman of BOM	-	-
Mr. Nguyen Minh Nhat	Member of BOM	-	-
Mr. Nguyen Anh quan	Member of BOM	-	-
Mrs. Truong Thi Thu Hien	General Director	1,495,800,000	1,525,400,000
Mr. Lam Son Tung	Deputy General Director	650,800,000	520,400,000
Mr. Nguyen Dac Tai	Deputy General Director	2,596,718,367	-
Mrs. Bui Kim Yen	Head of BOS	-	-
Mrs. Nguyen Thi Hai Yen	Member of BOS	-	-
Mr. Dam Van Han	Member of BOS	-	-
Mrs. Nguyen Hai Yen	Chief Accountant (Dismissed on 26 June 2024)	360,400,000	524,744,000
Mrs. Nguyen Thi Nhat Hoan	Chief Accountant (Appointed on 26 June 2024)	729,195,512	-
Total		<u>5,832,913,879</u>	<u>2,570,544,000</u>

8.2 Transactions with other related parties

Information on related parties:

<u>Entities</u>	<u>Relationship</u>
Alphanam Investment JSC	Parent Company
Alphanam JSC	Big shareholder
Zeta Infrastructure Development and Investment joint stock company	Subsidiary
Molta Sport Trading Services Co.,Ltd	Indirect subsidiary
Quy Nhon Foodinco JSC	The company with parent company
Mien Trung Foodinco JSC	The company with parent company
Members of Board of Management, Board of General Director and Board of Supervisor	Key management

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

For the fiscal year ended as at 31 December 2024

Transactions with other related parties:

	Transactions	This year VND	Last year VND
Quy Nhon Foodinco JSC	Advance refund	107,993,647,349	-

The policy of purchasing and selling goods and raw materials is applied similarly to other units, there is no difference in purchasing and selling prices.

Balances with other related parties:

	Ending Balance VND	Opening Balance VND
Quy Nhon Foodinco JSC		
- Other short-term receivables	-	107,341,742,247
- Other current payables	651,905,102	-
Mien Trung Foodinco JSC		
- Short-term advances to suppliers	29,404,428,547	-

8.3 Segment reporting

Information of the segment reporting shall be prepared on the consolidated financial statements.

9. POST BALANCE SHEET EVENTS

The Board of General Directors ensures that there have been no significant events occurring after the balance sheet date which would require adjustment or disclosure in the notes to the separated financial statements.

10. COMPARATIVE FIGURES

Comparative figures on the balance sheet are the figures from the separate balance sheet of the Company for the fiscal year ended 31 December 2013 audited by Nam Viet Auditing and Accounting Financial Consulting Services Company Limited - The North Branch.



Bui Thi Thuy Ha
Preparer



Nguyen Thi Duyen
Chief Accountant



Truong Thi Thu Hien
General Director
Hanoi, 28 March 2025

